

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2017/DS-ST

Ngày: 18 - 12 - 2017

V/v: “Tranh chấp hợp đồng mua bán”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hồng Chính

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Ngọc Lợi

2. Ông Nguyễn Chí Bền

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Lộc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng: Không tham gia phiên Tòa.

Ngày 18 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện R xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 172/2017/TLST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2017/QĐXXST-DS, ngày 01 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Ngô Thị Như T, sinh năm: 1988 (có mặt).

Địa chỉ: Khu 4, thị trấn R, huyện R, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Lê Út H (tên gọi khác là H), sinh năm: 1981 (vắng mặt);

2.2. Bà Huỳnh Thị T (tên gọi khác là H), sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 19/6/2017, nguyên đơn bà Ngô Thị Như T trình bày:

Vào năm 2010, vợ chồng ông Lê Văn H và bà Huỳnh Thị T có đến cửa hàng vật tư nông nghiệp của bà để mua phân bón và thuốc trừ sâu, còn thiếu lại 79.505.000đ. Đến ngày 13/11/2014, bà có làm đơn yêu cầu nhờ Ban lãnh đạo áp giải quyết, tại đây vợ chồng ông H và bà T thừa nhận nợ nhưng đến nay vẫn chưa trả nợ cho bà.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H và bà T phải trả cho bà số tiền mua vật tư còn thiếu là 79.505.000đ (Bảy mươi chín triệu năm trăm lẻ năm nghìn đồng). Đồng thời trả lãi suất theo quy định nhà nước kể từ ngày 13/11/2014 đến ngày Tòa án xét xử. Bà đồng ý cho vợ chồng ông H, bà T trả dần trong 01 năm, chia ra 03 lần trả trên tổng số tiền gốc và lãi.

* Tại bản tự khai ngày 23/8/2017, bị đơn ông Lê Út H và bà Huỳnh Thị T trình bày:

Ông H và bà T thừa nhận còn thiếu cửa hàng của bà T số tiền gốc 79.505.000đ. Ông bà đồng ý trả gốc và lãi cho cô T theo quy định nhà nước kể từ ngày 13/11/2014 đến ngày Tòa án giải quyết nhưng do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nên ông bà xin được trả dần. Tổng cộng gốc và lãi bao nhiêu thì ông bà trả mỗi năm 20.000.000đ cho đến khi hết nợ.

Những vấn đề thống nhất và chưa thống nhất: Ông Lê Út H, bà Huỳnh Thị T thừa nhận còn thiếu bà Ngô Thị Như T tiền mua vật tư nông nghiệp là 79.505.000đ và tiền lãi phát sinh theo quy định nhà nước nhưng hai bên không thống nhất được thời gian và cách thức thanh toán nợ với nhau.

Tại phiên tòa, bà Ngô Thị Như T yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông H và bà T phải trả cho bà số tiền 79.505.000đ và tiền lãi phát sinh theo quy định nhà nước kể từ ngày 13/11/2014 đến ngày xét xử là 18/12/2017.

Ông H và bà T vắng mặt tại phiên tòa nên ông bà không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn ông Lê Út H và bà Huỳnh Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng ông bà vắng mặt mà không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và việc ông bà vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông bà theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ tranh chấp: Bà Ngô Thị Như T khởi kiện yêu cầu ông Lê Út H và bà Huỳnh Thị T phải trả cho bà số tiền mua vật tư nông nghiệp còn thiếu nên đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 428 Bộ luật dân sự năm 2005.

Về thẩm quyền: Bị đơn có nơi cư trú tại ấp L, xã T, huyện R, tỉnh Kiên Giang nên căn vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện R.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Ngô Thị Như T yêu cầu ông Lê Út H và bà Huỳnh Thị T phải trả cho bà số tiền mua vật tư nông nghiệp còn thiếu là 79.505.000đ (Bảy mươi chín triệu năm trăm lẻ năm nghìn đồng) và tiền lãi tính từ ngày 13/11/2014 đến ngày Tòa án xét xử là ngày 18/12/2017.

Xét yêu cầu của bà T, thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án, hai bên đương sự thừa nhận việc ông H, bà T có thiếu bà T số tiền 79.505.000đ (Bảy mươi chín triệu năm trăm lẻ năm nghìn đồng) nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án công nhận là sự thật.

Quá trình thực hiện hợp đồng đến nay ông H, bà T còn thiếu tiền của bà T nhưng đến nay chưa thanh toán là vi phạm nghĩa vụ trả tiền được quy định tại khoản 1 Điều 438 của Bộ Luật dân sự 2005. Do đó, việc bà T yêu cầu ông H và bà T phải trả cho bà số tiền 79.505.000đ (Bảy mươi chín triệu năm trăm lẻ năm nghìn đồng) là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật.

Xét yêu cầu tính lãi của bà T là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 438 của Bộ luật dân sự 2005. Do đó, ông H và bà T còn phải trả tiền lãi chậm trả cho bà T từ ngày vi phạm nghĩa vụ là ngày 13/11/2014 cho đến ngày xét xử 18/12/2017 là 37 tháng 05 ngày, tính tròn là 37 tháng.

Mức lãi suất cơ bản tại thời điểm nợ là $9\%/năm = 0,75\%/tháng$, tiền lãi sẽ là: $79.505.000đ \times 9\%/năm \times 37 \text{ tháng} = 22.026.637đ$ (tính tròn 22.027.000đ).

Tổng cộng gốc và lãi là $79.000.000đ + 22.027.000đ = 101.532.000đ$ (Một trăm lẻ một triệu năm trăm ba mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông H và bà T không trả đủ số tiền nêu trên thì hàng tháng ông H và bà T còn phải chịu tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005.

Việc ông H và bà T xin được trả nợ dần nhưng bà T không chấp nhận nên sẽ được xem xét, giải quyết khi thi hành án.

[3] Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của bà Ngô Thị Như T được chấp nhận nên bà không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà T tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.980.000đ (Một triệu chín trăm tám chục nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008164 ngày 21 tháng 8 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện R.

Ông Lê Văn H và bà Huỳnh Thị T phải chịu án phí dân sự giá ngạch $101.532.000đ \times 5\% = 5.076.600đ$, tính tròn là 5.077.000đ (Năm triệu không trăm bảy mươi bảy nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92 và khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Khoản 2 Điều 305, Điều 428, khoản 2 Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Như T. Buộc ông Lê Út H và bà Huỳnh Thị T phải trả cho bà T số tiền 79.505.000đ và tiền lãi phát sinh 22.027.000đ, tổng cộng là 101.532.000đ (Một trăm lẻ một triệu năm trăm ba mươi hai nghìn đồng).

[2] Về án phí:

Hoàn trả cho bà Ngô Thị Như T tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.980.000đ (Một triệu chín trăm tám chục nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008164 ngày 21 tháng 8 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện R.

Ông Lê Út H và bà Huỳnh Thị T phải chịu án phí dân sự giá ngạch $101.532.000đ \times 5\% = 5.076.600đ$, tính tròn là 5.077.000đ (Năm triệu không trăm bảy mươi bảy nghìn đồng).

[3] Về quyền kháng cáo: Báo cho bà T được biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 18/12/2017. Ông H và bà T có quyền kháng cáo bản án tính trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

* Nơi nhận:

- VKSND huyện Giồng Riềng;
- Các đương sự;
- Lưu.

Lê Văn Hồng Chinh